

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 997/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành "Kế hoạch rà soát văn bản QPPL liên quan đến đầu tư xây dựng"

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 62/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị quyết số 59/2007/NQ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về một số giải pháp xử lý những vướng mắc trong hoạt động đầu tư xây dựng và cải cách một số thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Kế hoạch rà soát văn bản QPPL liên quan đến đầu tư xây dựng".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Cục KTrVB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đinh Trang Tụng

KẾ HOẠCH

Rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đầu tư xây dựng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 997/QĐ-BTP ngày 30 / 5 /2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU RÀ SOÁT

- Đánh giá một cách toàn diện hệ thống văn bản QPPL liên quan đến đầu tư, xây dựng thuộc phạm vi rà soát;

- Lập và công bố các danh mục: văn bản QPPL đã hết hiệu lực thi hành; văn bản QPPL đang còn hiệu lực thi hành; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới theo thẩm quyền các văn QPPL không còn phù hợp với văn bản có hiệu lực cao hơn, không còn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI RÀ SOÁT

1. Đối tượng rà soát

Toàn bộ văn bản QPPL do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Trung ương ban hành, bao gồm:

- Luật;
- Nghị quyết của Quốc hội, UBTW Quốc hội;
- Pháp lệnh của UBTW Quốc hội;
- Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;
- Nghị định, nghị quyết của Chính phủ;
- Quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ;
- Quyết định, chỉ thị của Tổng Kiểm toán nhà nước;
- Quyết định, chỉ thị, thông tư, thông tư liên tịch của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ;
- Văn bản liên tịch giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan Trung ương của các Tổ chức chính trị xã hội.

2. Phạm vi rà soát

Phạm vi rà soát là các văn bản QPPL liên quan đến đầu tư xây dựng bao gồm:

- Các văn bản QPPL liên quan đến đất đai, thăm dò, khai thác khoáng sản như: điều kiện giao đất, cho thuê đất đối với các dự án đầu tư; cấp phép trong hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản;

- Các văn bản QPPL liên quan đến thủ tục đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình như: việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; thủ tục về phòng cháy, chữa cháy; về nội dung, thủ tục thẩm định thiết kế cơ sở; cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư trong nước;

- Các văn bản QPPL liên quan đến chỉ định thầu;

- Các văn bản QPPL liên quan đến quản lý chi phí xây dựng công trình.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ.

Để triển khai rà soát văn bản QPPL liên quan đến đầu tư xây dựng, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm:

1. Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ rà soát

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ rà soát; Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ rà soát bao gồm các nội dung chính sau: đối tượng, phạm vi rà soát, trách nhiệm của đơn vị chủ trì, của đơn vị phối hợp trong khi rà soát, nguồn lực, kinh phí, tiến độ thực hiện...

2. Tập hợp, phân loại văn bản

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tập hợp toàn bộ văn bản QPPL liên quan đến đầu tư, xây dựng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan mình (bao gồm cả văn bản do cấp trên ban hành); phân loại theo hình thức văn bản, sắp xếp theo thứ tự thời gian ban hành;

3. Đối chiếu, so sánh văn bản

Đối chiếu, so sánh các quy định trong các văn bản đã được tập hợp với các văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm rà soát; đánh giá sự phù hợp của văn bản với điều kiện kinh tế - xã hội, qua đó kiến nghị (hoặc thực hiện theo thẩm quyền) đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ, bãi bỏ, ban hành mới văn bản.

4. Lập các Danh mục văn bản

- Danh mục chung (bao gồm toàn bộ các văn bản được rà soát, được sắp xếp theo những tiêu chí nhất định như hình thức văn bản, thời gian ban hành, thứ bậc hiệu lực...);

- Danh mục văn bản còn hiệu lực toàn bộ hoặc một phần;

- Danh mục văn bản hết hiệu lực một phần hoặc toàn bộ (thông qua rà soát xác định được hết hiệu lực, trong đó nêu rõ thời điểm hết hiệu lực, lý do hết hiệu lực);

- Danh mục văn bản đề nghị đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ, bãi bỏ (trong đó cần nêu rõ điều, khoản nào cần đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ bãi bỏ hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản và nêu rõ lý do);

- Danh mục văn bản cần ban hành mới (những vấn đề cần điều chỉnh nhưng chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào điều chỉnh).

5. Thời hạn gửi báo cáo

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ sớm tổ chức rà soát và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp (qua Cục Kiểm tra văn bản QPPL) **trước ngày 30/6/2008**. Hình thức gửi báo cáo bằng bản giấy, đồng thời gửi theo bản file (bản file xin chuyển qua địa chỉ Email: thangvt@moj.gov.vn. Báo cáo bao gồm kết quả rà soát, các danh mục kèm theo và những kiến nghị, đề xuất (nếu có).

6. Tích hợp kết quả rà soát, tổ chức hội thảo đánh giá kết quả rà soát và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát

Trên cơ sở kết quả rà soát của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ gửi về, Bộ Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, tổ chức hội thảo đánh giá kết quả rà soát và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát, cụ thể:

- Cục Kiểm tra văn bản QPPL chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ có liên quan tổ chức rà soát các văn bản thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ liên quan đến đầu tư, xây dựng;

- Cục Kiểm tra văn bản chịu trách nhiệm tổng hợp chung kết quả rà soát; chủ trì tổ chức thảo luận đánh giá kết quả rà soát của các Bộ, ngành và địa phương; chuẩn bị báo cáo kết quả rà soát trình Bộ trưởng xem xét ký gửi Thủ tướng Chính phủ (**Dự kiến thời gian trình Bộ trưởng trước ngày 25/7/2008**).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện rà soát văn bản liên quan đến đầu tư, xây dựng do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tự bố trí theo quy định của pháp luật.

2. Cục Kiểm tra văn bản QPPL giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp phối hợp, thường xuyên đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tư pháp hoàn thành báo cáo đúng thời hạn đã quy định. ↘

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Đinh Trung Tụng